**PHỤ LỤC**

BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-PGDĐT ngày / /2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Thanh Xuân)*

| **STT** | **Tiêu chí** | **Điểm tối đa** | **Điểm thành phần** | **Mức độ** | **Ghi chú,**  **minh chứng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.** | **Chuyển đổi số trong dạy, học** | **100** |  |  |  |
| 1.1. | Có ban hành kế hoạch phối hợp, hướng dẫn PHHS trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ thông qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm. |  |  |  | Điều kiện  bắt buộc |
| 1.2. | Có ban hành quy chế phối hợp, hướng dẫn PHHS |  |  |  | Điều kiện  bắt buộc |
| 1.3. | Triển khai phần mềm soạn giảng | 30 | *Tối đa 15 điểm* | Mức độ 1: dưới 10 điểm  Mức độ 2: từ 10 - 20 điểm  Mức độ 3: trên 20 điểm | Đường link |
| Triển khai phần mềm quản lý công tác chăm sóc, nuôi dưỡng | *Tối đa 15 điểm* |
| 1.4. | Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt). | 10 | *- Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm.*  *- Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm.*  *- Nhiều hơn 40 học liệu: tối đa 10 điểm* | Mức độ 1: dưới 4 điểm  Mức độ 2: từ 4 - 6 điểm  Mức độ 3: trên 7 điểm | Đường link và  số lượng học liệu |
| 1.5. | Có tổ chức triển khai hệ thống quản lý tài nguyên (khohọcliệuđiệntử) hỗ trợ giảng dạy, học liệu số, bài giảng điện tử mầm non. | 20 |  | Mức độ 1: dưới 9 điểm  Mức độ 2: từ 10 - 17 điểm  Mức độ 3: trên 18 điểm | Quy chế /Kế hoạch /văn bản triển khai |
| 1.6. | Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: | 20 |  | Mức độ 1: dưới 8 điểm  Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm  Mức độ 3: trên 14 điểm |  |
| - Tỉ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học | *< 30%: tối đa 4 điểm;*  *30%-60%: tối đa 7 điểm;*  *> 60%: tối đa 10 điểm* |
| - Tỉ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử | *< 30%: tối đa 4 điểm;*  *30%-60%: tối đa 7 điểm;*  *> 60%: tối đa 10 điểm* |
| 1.7. | Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học:  - Tỉ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học | 20 | *< 20%: tối đa 5 điểm;*  *20%-60%: tối đa 10 điểm;*  *> 60%: tối đa 15 điểm* | Mức độ 1: dưới 8 điểm  Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm  Mức độ 3: trên 14 điểm |  |
| - Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử) | *Tối đa 5 điểm* |
| **2.** | **Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục** | **100** |  |  |  |
| 2.1. | Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại) |  |  |  | Điều kiện  bắt buộc |
| 2.2. | Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số |  |  |  | Điều kiện  bắt buộc |
| 2.3. | Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê):  - Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường | 70 | *Tối đa 8 điểm* | Mức độ 1: dưới 20 điểm  Mức độ 2: từ 20-50 điểm  Mức độ 3 : trên 50 điểm | Đường link/ Quy chế/ văn bản hướng dẫn |
| - Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập) | *Tối đa 8 điểm* |
| - Có triển khai sổ thông tin học sinh điện tử | *File PDF: tối đa 3 điểm; Áp dụng chứng thư số: tối đa 10 điểm* |
| - Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV | *Tối đa 8 điểm* |
| - Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất | *Tối đa 10 điểm* |
| - Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh | *Tối đa 10 điểm* |
| - Có triển khai phân hệ quản lý kế toán | *Tối đa 8 điểm* |
| - Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý) | *Tối đa 8 điểm* |
| 2.4. | Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến:  - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web) | 30 | *Tối đa 8 điểm* | Mức độ 1: dưới 10 điểm  Mức độ 2: từ 10-18 điểm  Mức độ 3: trên 18 điểm | Đường link/ Quy chế/ Văn bản |
| - Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến: | *Tối đa 12 điểm* |
| - Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt | *Tối đa 10 điểm* |